

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v “*Tranh chấp biểu, hội*”

-Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào khoảng giữa năm 2019, được sự giới thiệu của bà Đặng Thị H (trú ở 57 đường H, quận S, Đà Nẵng), bà Nguyễn Thị L đã tham gia hội chơi biêu do bà Huỳnh Thị Kim L làm chủ biêu gồm 15 phần, thời gian chơi là 14 tháng. Trong suốt 14 tháng chơi biêu bà đã đóng số tiền mỗi tháng cho bà Huỳnh Thị Kim L như sau:

+ 09 tháng đầu tiên, mỗi tháng đóng 5.000.000 đồng (cho 01 chân biêu 5.000.000 đồng)

+ 05 tháng tiếp theo, mỗi tháng đóng 11.000.000 đồng (cho 01 chân biêu 5.000.000 đồng và bà chơi thêm hai chân biêu 3.000.000 đồng nữa).

Tổng cộng 14 tháng vào gần cuối năm 2021, bà đã đóng cho bà L làm chủ biêu số tiền là: 100.000.000 đồng. Đến khi thúc biêu, bà đến nhận lại tiền biêu thì bà L trả lời đã sử dụng hết số tiền của bà và của những người chơi biêu khác để xây nhà trọ cho thuê lúc gặp dịch bệnh nên không thu hồi lại được. Lúc đó, bà L đã tự tay viết giấy nợ biêu cho bà và hứa rằng khi bán được nhà sẽ trả đủ tiền. Nhưng một lần nữa, khi bà L đã bán nhà vừa xong thì từ chối gặp mặt và nhờ người thân là bà H nói lại là giờ chỉ trả 40% thôi, nếu như không lấy thì coi như mất trắng, còn nếu chấp nhận lấy 40% (tức 40.000.000 đồng) thì phải ký vào tờ giấy ghi sẵn với nội dung “*Tôi đã nhận đủ tiền*”, chứ không cho phép ghi nhận 40.000.000 đồng, mà từ nay về sau coi như hết nợ. Trước lời đe dọa sẽ quyt toàn bộ số tiền mà bỏ trốn, bà đã ký vào tờ giấy trên với chữ ký không phải tên của bà để nhận được 40.000.000 đồng. Bà đã ghi âm lại toàn bộ diễn biến quá trình sự việc anh Đinh Huỳnh Thanh T đại diện cho bà L bắt buộc bà phải ghi “*nhận đủ*” trong khi thực tế chỉ nhận 40.000.000 đồng và cung cấp cho Toà án làm bằng chứng. bà L vô cùng bức xúc và phẫn nộ trước thái độ ngông cuồng và hành vi có ý đồ rõ ràng để nhằm chiếm đoạt 60.000.000 đồng tiền biêu còn lại. Nay bà Nguyễn Thị L yêu cầu Toà án buộc bà Huỳnh Thị Kim L hoàn trả đủ số tiền biêu 60.000.000 đồng. Đối với ông Đinh Văn T là chồng bà L không có liên quan gì đến khoản vay nhưng có biết sự việc đóng biêu, bà L chỉ yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả nợ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị Kim L trình bày:

Năm 2019 bà Huỳnh Thị Kim L có cầm cái bát biêu 15 đến 22 phần. Trong đó có phần của bà Nguyễn Thị L như ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị L là đúng. Bà L xác nhận bà Nguyễn Thị L đã đóng đủ cho bà số tiền biêu 100.000.000 đồng. Sau khi kết thúc việc chơi biêu, bà L đã trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 40.000.000 đồng và bà L có viết giấy đã nhận đủ tiền. Nay bà L khởi kiện đòi số tiền biêu còn lại thì bà L không đồng ý vì bà L đã viết giấy nhận đủ là coi như

đồng ý xoá nợ, hoàn cảnh hiện nay của bà L cũng rất khó khăn không còn khả năng trả nợ. Đối với ông Đinh Văn T không có liên quan gì đến số tiền chơi biêu giữa các bên.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên ông vẫn vắng mặt, không có ý kiến.

- Người làm chứng anh Đinh Huỳnh Thanh T trình bày: Mẹ anh là Huỳnh Thị Kim L có nhờ anh trả cho bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Thị T) số tiền 40.000.000 đồng, bà L viết giấy nhận tiền đủ, anh chứng kiến sự việc như vậy nên trình bày với Tòa án.

-Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại khoản 5 Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đã không chấp hành các quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, buộc bà Huỳnh Thị Kim L phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền biêu 60.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “*Tranh chấp biêu, hụi*” là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim L cư trú tại phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử vắng ông theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Căn cứ vào Giấy nợ biên, lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở xác định vào năm 2019 bà Nguyễn Thị L có tham gia chơi 03 chân biêu có lãi do bà Huỳnh Thị Kim L làm chủ dây biêu, cụ thể: chơi 01 chân biêu 5.000.000 đồng và 02 chân biêu 3.000.000 đồng. Đối với chân biêu 5.000.000 đồng bà L đã đóng đủ 14 tháng với số tiền 70.000.000 đồng, đối với 02 chân biêu 3.000.000 đồng bà L đã đóng 5 tháng với số tiền 30.000.000 đồng, tổng cộng 03 chân biêu đã đóng 100.000.000 đồng. Sau khi chấm dứt việc chơi biêu do chưa có khả năng trả biêu đúng hạn nên bà Huỳnh Thị Kim L đã viết giấy biên nhận nợ biêu cho bà L với số tiền đã đóng 100.000.000 đồng làm chứng cứ. Việc thỏa thuận chơi biêu của các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của thành viên và chủ dây biêu.

[2.2]. Về việc trả nợ biêu: Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào lời khai của bà L, ý kiến của người làm chứng anh Đinh Huỳnh Thanh T và nội dung ghi âm do bà L cung cấp thì mặc dù trong giấy nhận tiền ngày 10/01/2022 do anh Đinh Huỳnh Thanh T là người được bà Huỳnh Thị Kim L uỷ quyền viết với nội dung “*Bà Nguyễn Thị L đã nhận đủ số tiền của Huỳnh Thị Kim L*”, phía dưới có chữ ký của bà Nguyễn Thị L ký với tên gọi khác “*Nguyễn Thị Thế*” tuy nhiên anh Châu chỉ giao cho bà L được số tiền 40.000.000 đồng chứ không phải đủ 100.000.000 đồng; Mặc khác trong giấy nhận tiền do bà L ký cũng ghi “*đã nhận đủ số tiền*” nhưng không ghi cụ thể là tiền dùng vào việc gì, không ghi giá trị của số tiền; Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L cũng thừa nhận do làm ăn thua lỗ nên bà chỉ có khả năng thanh toán 40% số nợ cho những người có quyền đòi nợ trong đó bà L nên viết giấy nhận đủ như trên là để xóa nợ cho bà; Lời khai của bà L không thống nhất, trong quá trình chuẩn bị xét xử có lời khai cho rằng bà L đã nhận đủ tiền, có

lời khai khác thì xác nhận còn nợ bà L số tiền biểu 60.000.000 đồng nhưng không có khả năng trả nên xin được trả một phần là 10.000.000 đồng và tại phiên tòa bà L đã xác nhận mới chỉ trả được 40.000.000 đồng, hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên không còn khả năng trả nợ. Từ các căn cứ trên, cho thấy đến nay bà Huỳnh Thị Kim L mới thanh toán được 40.000.000 đồng, do đó bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Thị Kim L phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền biểu còn lại 60.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biểu, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu tính lãi đối với số tiền biểu bà L chậm giao nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Đối với ông Đinh Văn T mặc dù trong giấy nợ biểu bà L có viết tên chồng bà là ông Thọ nhưng không có chữ ký của ông. Căn cứ vào lời khai của bà L và bà L thì ông Thọ có biết nhưng không có liên quan đến việc chơi biểu. Hơn nữa số tiền nợ biểu bà L cũng không dùng vào việc chi tiêu cho gia đình nên ông Thọ không liên quan đến nghĩa vụ trả nợ biểu của bà L cho bà L.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí tranh chấp dân sự có giá ngạch trên số tiền phải trả 60.000.000 đồng $\times 5\% = 3.000.000$ đồng; Nguyên đơn không chịu án phí, hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[5]. Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 471 Bộ luật Dân sự;
- Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường
- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp biểu, hội*” của Nguyễn Thị L đối với bà Huỳnh Thị Kim L

Buộc bà Huỳnh Thị Kim L phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền biểu 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Kim L phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị L không chịu án phí, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị L đã nộp theo biên lai thu số: 0003222 ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng